TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2019
"Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Tuyết

2. Ông Từ Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: có ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/201/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc: "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1997; địa chỉ: 92 đường L, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1988; địa chỉ: 26/25 đường Đ, tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Hoàng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Xuân T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/9/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung chị

và anh T đã ly thân từ tháng 02/2019. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Trần Xuân T.

Về con chung: Chị và anh Trần Xuân T có 01 con chung là cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 09/9/2017. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Xuân T

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Xuân T. Tuy nhiên, anh Trần Xuân T không đến Toà án tham gia tố tụng không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa;

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có bản tự khai, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình vụ án.

Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014., đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 09/9/2019 (Bản chính); Sổ hộ khẩuGiấy chứng minh nhân dân của chị Phạm Nguyễn Hoàng N và anh Trần Xuân T (bản sao); Giấy khai sinh của con Trần Linh Đ; Bản tự khai của chị Phạm Nguyễn Hoàng N; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/9/2019; Các Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; Biên bản xác minh ngày 10/9/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với anh Trần Xuân T theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của chị Phạm Nguyễn Hoàng N được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét; *c*hị Phạm Nguyễn Hoàng N và anh Trần Xuân T đều cư trú tại thành phố P, nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bị đơn vắng mặt*: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, anh Trần Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Về hôn nhân: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N và anh Trần Xuân T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của *c*hị Phạm Nguyễn Hoàng N: trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục để chị N và anh T đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ T không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa *c*hị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị Phạm Nguyễn Hoàng N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Xuân T là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N và anh Trần Xuân T có 01 con chung là cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 09/9/2017. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Yêu cầu nuôi con của *c*hị Phạm Nguyễn Hoàng N là phù hợp bởi anh T không thể hiện ý kiến về việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Nguyễn Hoàng N , giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Linh Đ cho đến khi cháu Đ thành niên hoặc đã thành niên

mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N không yêu cầu anh Trần Xuân T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã giải thích việc cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung nhưng chị N vẫn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N và anh Trần Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Nguyễn Hoàng N.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N được ly hôn anh Trần Xuân T.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Nguyễn Hoàng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 09/9/2017 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Phạm Nguyễn Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về nợ chung và nghĩa vụ chung: Chị Phạm Nguyễn Hoàng N và anh Trần Xuân T không có nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí:* Chị Phạm Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001444 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Phạm Nguyễn Hoàng N đã nộp đủ.

3. *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- UBND phường Trà Bá, TP. P;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Vũ Thu Hương